

Số: 15/TB-MN 20-10

P. Gia Viên, ngày 10 tháng 9 năm 2025

## THÔNG BÁO

**Công khai quyết định phê duyệt danh mục lựa chọn đồ chơi, học liệu, tài liệu  
sử dụng trong Trường Mầm non 20-10 năm học 2025-2026**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON 20-10

*Căn cứ điều 10 về quyền hạn, nhiệm vụ của hiệu trưởng được quy định tại Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường mầm non;*

*Căn cứ Thông tư 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 Thông tư quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong cơ sở GDMN;*

*Căn cứ Thông tư 30/2021/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 11 năm 2021 Thông tư quy định việc biên soạn, thẩm định, phê duyệt và lựa chọn tài liệu để sử dụng trong cơ sở giáo dục mầm non;*

*Trường Mầm non 20-10 thông báo công khai:*

#### 1. Nội dung công khai

Xét đề nghị của các tổ chuyên môn Trường mầm non 20-10;  
Quyết định số: 73/QĐ-MN20-10 ngày 10 tháng 9 năm 2024 của trường Mầm non 20-10 về phê duyệt danh mục tài liệu, học liệu sử dụng trong trường Mầm non 20-10 năm học 2025-2026. (có quyết định kèm theo)

#### 2. Hình thức, thời điểm công khai

- Đăng Website trường Mầm non 20-10 tại địa chỉ  
<https://mn20-10.haiphong.edu.vn/homegdmn1>
- Thời điểm đăng: Ngày 10/9/2025

#### 3. Giao nhiệm vụ nhân viên văn thư đăng Website theo quy định.

**Nơi nhận:**

- CBGVNV;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Phạm Thị Hồng Tháp**

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỜNG**  
**MẦM NON**  
**20-10**

**Phạm Thị Hồng Th**



## DANH MỤC

### Đồ chơi, học liệu thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non sử dụng trong Trường Mầm non 20-10 từ năm học 2025-2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 73/QĐ-MN20-10 ngày 10/9/2025 của Hiệu trưởng trường mầm non 20-10)

#### 1. Đối với trẻ nhà trẻ 24-36 tháng tuổi

##### 1.1. Học liệu là tài liệu

| STT | Danh mục                                                                     | Tác giả                                                   | Đơn giá | Ghi chú                                       |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------|
| 1   | Các hoạt động tạo hình                                                       | Nguyễn Thị Hằng<br>- Nguyễn Thị Hải Hà - Trần Thị Mai Nhi | 9.500   | CTCP Sách Dân Tộc – NXB Giáo dục Việt Nam     |
| 2   | Hoạt động làm quen với toán                                                  | Vũ Thị Thanh Huyền - Nguyễn Thị Thành Lê                  | 10.500  | CTCP Sách Dân Tộc – NXB Giáo dục Việt Nam     |
| 3   | Giúp bé phát triển tình cảm - kỹ năng xã hội                                 | Lê Thị Luận - Lâm Thùy Uyên                               | 12.000  | CTCP Sách Dân Tộc – NXB Giáo dục Việt Nam     |
| 4   | Bé tập tô, tập vẽ                                                            | Nguyễn Thị Hằng, Nguyễn Thị Thanh Huyền                   | 11.000  | CTCP Sách Dân Tộc – NXB Giáo dục Việt Nam     |
| 5   | Bé khám phá môi trường xung quanh Bé đi khắp nơi bằng phương tiện giao thông | Trần Thị Ngọc Trâm, Nguyễn Thị Cẩm Bích                   | 10.500  | CTCP Mỹ thuật và truyền thông-NXB GD Việt Nam |

##### 1.2. Học liệu là đồ dùng, nguyên vật liệu

| TT | Tên học liệu           | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú     |
|----|------------------------|-------------|----------|-------------|
| 1  | Bút sáp 12 màu         | Hộp         | 1        |             |
| 2  | Đất nặn 6 màu          | Hộp         | 0.2      | 5 trẻ/1 hộp |
| 3  | Phấn viết              | Hộp         | 0.5      | 2 trẻ/1 hộp |
| 4  | Hồ dán                 | Lọ          | 0.5      | 2 trẻ/1 hộp |
| 5  | Bảng con               | Cái         | 1        |             |
| 6  | Kệ sản phẩm cho trẻ    | Cái         | 2        |             |
| 7  | Túi cúc đựng sản phẩm  | Cái         | 1        |             |
| 8  | Băng dính xốp 2 mặt    | Cuộn        | 1        |             |
| 9  | Giấy thủ công loại đẹp | Túi         | 1        |             |

| TT | Tên học liệu                   | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú                            |
|----|--------------------------------|-------------|----------|------------------------------------|
| 10 | Lô tô theo chủ đề              | Bộ          | 1        | chơi, học                          |
| 11 | Bộ xâu hạt                     | Bộ          | 0.5      | chơi, học: 2 trẻ/1 bộ              |
| 12 | Bộ lồng hộp                    | Bộ          | 0.5      | chơi, học: 2 trẻ/1 bộ              |
| 13 | Giấy A4                        | Gram        | 0.12     | 6 tờ x 1 chủ đề x 10 chủ đề        |
| 14 | Bìa các màu A4                 | Gram        | 0.2      | 2 tờ x 1 chủ đề x 10 chủ đề        |
| 15 | Vải dạ màu                     | Tám         | 0.2      | làm tranh, bài tập mở: 5 trẻ/1 tấm |
| 16 | Đề can màu                     | Mét         | 0.2      | làm tranh, bài tập mở: 5 trẻ/1 tấm |
| 17 | Xốp nỉ nhũ khổ 40x50 cm        | Tám         | 0.2      | làm thiệp, đồ chơi: 5 trẻ/1 tấm    |
| 18 | Dây kim tuyến các màu dài 20cm | Dây         | 3        | làm thiệp, đồ chơi                 |
| 19 | Hoa nhựa                       | Túi         | 0.4      | làm thiệp, đồ chơi: 5 trẻ/2 túi    |
| 20 | Hình dán                       | Tờ          | 1        | trang trí thiệp, tranh, đồ chơi    |

## 2. Đối với trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi

### 2.1. Học liệu là tài liệu

| STT | Danh mục                                             | Tác giả                                                                       | Đơn giá | Ghi chú                                   |
|-----|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------|
| 1   | Các hoạt động tạo hình                               | Nguyễn Thị Hằng -<br>Nguyễn Thị Hải Hà -<br>Trần Thị Mai Nhi                  | 9.500   | CTCP Sách Dân Tộc – NXB Giáo dục Việt Nam |
| 2   | Hoạt động làm quen với toán                          | Vũ Thị Thanh Huyền - Nguyễn Thị Thành Lê                                      | 10.500  | CTCP Sách Dân Tộc – NXB Giáo dục Việt Nam |
| 3   | Giáo dục giới, bình đẳng giới và Quyền trẻ em        | Chu Thị Hồng Nhung<br>Nguyễn Thị Nga<br>Vũ Thị Ngọc Minh<br>Trần Thị Kim Uyên | 18.000  | NXB Giáo dục Việt Nam                     |
| 4   | Giúp bé phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội 3-4 tuổi | Lê Thị Luận<br>Lâm Thùy Uyên                                                  | 12.000  | NXB Giáo dục Việt Nam                     |
| 5   | Hướng dẫn bé thực hành giáo dục an toàn giao thông   | Nguyễn Vũ Minh Trang                                                          | 12.000  | NXB Thanh niên                            |



|    |                                                              |                                                                                                                                   |        |                                                   |
|----|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|---------------------------------------------------|
| 6  | Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ                                | Trần Thị Tâm Minh<br>Hà Thị Ngọc<br>Nguyễn Thị Ngọc An                                                                            | 16.000 | NXB Giáo dục Việt Nam                             |
| 7  | Bé khám phá khoa học về môi trường xung quanh                | Nguyễn Thị Thanh Huyền<br>Vũ Phương Liên                                                                                          | 12.000 | NXB Giáo dục Việt Nam                             |
| 8  | Bé với 5 điều Bác Hồ dạy                                     | Nguyễn Bá Minh<br>Lý Thị Hằng<br>Cao Thị Hồng Nhung                                                                               | 25.000 | NXB Giáo dục Việt Nam                             |
| 9  | Một số trò chơi dân gian dành cho trẻ mầm non                | Thu Trang                                                                                                                         | 8.000  | CTCP Mỹ thuật và truyền thông-<br>NXB GD Việt Nam |
| 10 | Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo | Phan Văn Hà<br>Vũ Thị Thanh Nhã<br>Nguyễn Thị Minh Thảo<br>Trần Hương Quỳnh<br>Nguyễn Minh Tuấn<br>Nguyễn Thị Trang<br>Vũ Thị Lựa | 20.000 | CTCP Mỹ thuật và truyền thông-<br>NXB GD Việt Nam |

## 2.2. Học liệu là đồ dùng, nguyên vật liệu

| TT  | Tên học liệu                | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú                               |
|-----|-----------------------------|-------------|----------|---------------------------------------|
| 1.  | Bút sáp 12 màu              | Hộp         | 1        |                                       |
| 2.  | Đất nặn 6 màu               | Hộp         | 0.2      | 5 trẻ/1 hộp                           |
| 3.  | Phấn viết                   | Hộp         | 0.5      | 2 trẻ/1 hộp                           |
| 4.  | Kéo                         | Cái         | 1        |                                       |
| 5.  | Hồ dán                      | Lọ          | 1        |                                       |
| 6.  | Bảng con                    | Cái         | 1        |                                       |
| 7.  | Kẹp sản phẩm cho trẻ        | Cái         | 2        |                                       |
| 8.  | Túi cúc đựng sản phẩm       | Cái         | 1        |                                       |
| 9.  | Bộ toán cho trẻ             | Bộ          | 1        |                                       |
| 10. | Băng dính xốp 2 mặt         | Cuộn        | 1        |                                       |
| 11. | Giấy thủ công loại đẹp      | Túi         | 1        |                                       |
| 12. | Nguyên liệu đan tết cho trẻ | Kg          | 0.2      | 5 trẻ/1 kg                            |
| 13. | Lô tô theo chủ đề           | Bộ          | 1        | chơi, học                             |
| 14. | Giấy A4                     | Gram        | 0.2      | 10 tờ x 1 chủ đề x 10 chủ đề          |
| 15. | Bìa các màu A4              | Gram        | 0.2      | 2 tờ x 1 chủ đề x 10 chủ đề           |
| 16. | Vải dạ màu                  | Tám         | 0.3      | làm tranh, bài tập mở:<br>3 trẻ/1 tám |
| 17. | Đề can màu                  | Mét         | 0.3      | làm tranh, bài tập mở:<br>3 trẻ/1 tám |

|     |                                |     |     |                                 |
|-----|--------------------------------|-----|-----|---------------------------------|
| 18. | Xếp nỉ nhũ khổ 40x50 cm        | Tấm | 0.3 | làm thiệp, đồ chơi: 3 trẻ/1 tấm |
| 19. | Dây kim tuyến các màu dài 20cm | Dây | 3   | làm thiệp, đồ chơi              |
| 20. | Hoa nhựa                       | Túi | 0.4 | làm thiệp, đồ chơi: 5 trẻ/2 túi |
| 21. | Hình dán                       | Tờ  | 1   | trang trí thiệp, tranh, đồ chơi |

### 3. Đối với trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi

#### 3.1. Học liệu là tài liệu

| TT | Tên danh mục học liệu                                                   | Tác giả biên soạn                                                                  | Nhà xuất bản                                    | Đơn giá |
|----|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------|
| 1  | Hoạt động tạo hình                                                      | Nguyễn Thanh Hương                                                                 | CTCP Mỹ thuật và truyền thông - NXB GD Việt Nam | 11.500  |
| 2  | Giúp bé làm quen với toán qua hình vẽ                                   | Nguyễn Thanh Giang                                                                 | CTCP Mỹ thuật và truyền thông - NXB GD Việt Nam | 9.500   |
| 3  | Giúp bé NB và làm quen với chữ cái                                      | Phan Lan Anh, Nguyễn Minh Thảo, Nguyễn Thu Hằng                                    | CTCP Mỹ thuật và truyền thông - NXB GD Việt Nam | 10.500  |
| 4  | Các hoạt động giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội                         | Cao Thị Hồng Nhung, Nguyễn Sỹ Thắng, Dương Thị Liên                                | CTCP Mỹ thuật và truyền thông - NXB GD Việt Nam | 13.000  |
| 5  | Các hoạt động giúp trẻ LQVPT và quy định giao thông                     | Cao Thị Hồng Nhung, Nguyễn Bích Thảo, Phạm Thị Nga, Đỗ Thị Thu Hiền, Đặng Thị Hiền | CTCP Mỹ thuật và truyền thông - NXB GD Việt Nam | 15.000  |
| 6  | Bé khám phá khoa học về môi trường xung quanh                           | Nguyễn Thị Thanh Huyền, Vũ Phương Liên                                             | CTCP sách Dân tộc - NXB Việt Nam                | 14.000  |
| 7  | Giữ an toàn và tự bảo vệ mình - Kỹ năng phòng chống xâm hại và bạo hành | Phạm Thị Hiền, Trần Thị Kim Uyên                                                   | CTCP sách Dân tộc - NXB Việt Nam                | 15.000  |
| 8  | Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ                                           | Phan Vũ Quỳnh Nga                                                                  | CTCP sách Dân tộc - NXB Việt Nam                | 12.000  |



| TT | Tên danh mục học liệu    | Tác giả biên soạn                               | Nhà xuất bản                               | Đơn giá |
|----|--------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
| 9  | Bé với 5 điều Bác Hồ dạy | Nguyễn Bá Minh, Lý Thị Hằng, Cao Thị Hồng Nhung | CTCP Đầu tư và NXB Giáo dục - NXB Việt Nam | 18.000  |

### 3.2. Học liệu là đồ dùng, nguyên vật liệu

| TT | Tên học liệu                | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú                          |
|----|-----------------------------|-------------|----------|----------------------------------|
| 1  | Bút chì                     | Chiếc       | 1        |                                  |
| 2  | Gọt bút chì                 | Cái         | 0.2      | 5 trẻ/1 cái                      |
| 3  | Bút sáp 12 màu              | Hộp         | 1        |                                  |
| 4  | Đất nặn 6 màu               | Hộp         | 0.2      | 5 trẻ/1 hộp                      |
| 5  | Phấn viết                   | Hộp         | 1        |                                  |
| 6  | Màu nước                    | Bộ          | 0.2      | loại 12 màu hộp 15ml: 5 trẻ/1 bộ |
| 7  | Kéo                         | Cái         | 1        |                                  |
| 8  | Hồ dán                      | Lọ          | 1        |                                  |
| 9  | Bảng con                    | Cái         | 1        |                                  |
| 10 | Kẹp sản phẩm cho trẻ        | Cái         | 2        |                                  |
| 11 | Túi cúc đựng sản phẩm       | Cái         | 1        |                                  |
| 12 | Bộ toán cho trẻ             | Bộ          | 1        |                                  |
| 13 | Băng dính xốp 2 mặt         | Cuộn        | 1        |                                  |
| 14 | Giấy thủ công loại đẹp      | Túi         | 1        |                                  |
| 15 | Nguyên liệu đan tết cho trẻ | Kg          | 0.2      | 5 trẻ/1 kg                       |
| 16 | Lô tô theo chủ đề           | Bộ          | 1        | chơi, học                        |
| 17 | Giấy A4                     | Gram        | 0.3      | 15 tờ x 1 chủ đề x 10 chủ đề     |
| 18 | Bìa các màu A4              | Gram        | 0.3      | 3 tờ x 1 chủ đề x 10 chủ đề      |
| 19 | Vải dạ màu                  | Tấm         | 0.5      | làm tranh, bài tập mở            |
| 20 | Đề can màu                  | Mét         | 0.5      | làm tranh, bài tập mở            |

| TT | Tên học liệu                   | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú                         |
|----|--------------------------------|-------------|----------|---------------------------------|
| 21 | Xốp nỉ nhũ khổ 40x50 cm        | Tấm         | 0.5      | làm thiệp, đồ chơi: 2 trẻ/1 tấm |
| 22 | Dây kim tuyến các màu dài 20cm | Dây         | 3        | làm thiệp, đồ chơi              |
| 23 | Hoa nhựa                       | Túi         | 0.5      | làm thiệp, đồ chơi: 2 trẻ/1 túi |

#### 4. Đối với trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi

##### 4.1. Học liệu là tài liệu

| TT | Tên danh mục học liệu                           | Tác giả biên soạn                                   | Nhà xuất bản                                    | Đơn giá |
|----|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------|
| 1  | Hoạt động tạo hình                              | Nguyễn Thanh Hương                                  | CTCP Mỹ thuật và truyền thông - NXB GD Việt Nam | 13.000  |
| 2  | Giúp bé làm quen với toán qua các con số        | Nguyễn Thanh Giang                                  | CTCP Mỹ thuật và truyền thông - NXB GD Việt Nam | 22.000  |
| 3  | Các hoạt động giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội | Cao Thị Hồng Nhung, Nguyễn Sỹ Thắng, Dương Thị Liên | CTCP Mỹ thuật và truyền thông - NXB GD Việt Nam | 13.000  |
| 4  | Nhận biết chữ cái và tập tô các nét cơ bản      | Hoàng Thị Nho, Phùng Thị Ngọc Oanh                  | CTCP sách Dân tộc - NXB Việt Nam                | 12.500  |
| 5  | Bé khám phá khoa học về môi trường xung quanh   | Nguyễn Thị Thanh Huyền, Vũ Phương Liên              | CTCP sách Dân tộc - NXB Việt Nam                | 12.000  |
| 6  | Bé với 5 điều Bác Hồ dạy                        | Nguyễn Bá Minh, Lý Thị Hằng, Cao Thị Hồng Nhung     | CTCP Đầu tư và NXB Giáo dục - NXB Việt Nam      | 18.000  |
| 7  | Bé làm quen với chữ cái Q1,2                    | Hoàng Thị Thu Hương, Phùng Thị Ngọc Oanh            | CTY CP Sách Dân Tộc NXB Giáo dục Việt Nam       | 22.000  |
| 8  | Bé nhận biết và tập tô chữ số hình dạng         | Phùng Thị Ngọc Oanh                                 | CTY CP Sách Dân Tộc NXB Giáo dục Việt Nam       | 13.000  |
| 9  | Hướng dẫn bé thực hành giáo dục ATGT            | Nguyễn Vũ, Minh Trang                               | Cty Phúc Minh                                   | 12.000  |



| TT | Tên danh mục học liệu         | Tác giả biên soạn    | Nhà xuất bản                                 | Đơn giá |
|----|-------------------------------|----------------------|----------------------------------------------|---------|
| 10 | Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ | Phan Vũ Quỳnh<br>Nga | CTY CP Sách Dân Tộc<br>NXB Giáo dục Việt Nam | 15.000  |

#### 4.2. Học liệu là đồ dùng, nguyên vật liệu

| TT | Tên học liệu                | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú                          |
|----|-----------------------------|-------------|----------|----------------------------------|
| 1  | Bút chì                     | Chiếc       | 1        |                                  |
| 2  | Gọt bút chì                 | Cái         | 0.2      | 5 trẻ/1 cái                      |
| 3  | Bút sáp 12 màu              | Hộp         | 1        |                                  |
| 4  | Đất nặn 6 màu               | Hộp         | 0.2      | 5 trẻ/1 hộp                      |
| 5  | Phấn viết                   | Hộp         | 1        |                                  |
| 6  | Màu nước                    | Bộ          | 0.2      | loại 12 màu hộp 15ml: 5 trẻ/1 bộ |
| 7  | Kéo                         | Cái         | 1        |                                  |
| 8  | Hồ dán                      | Lọ          | 1        |                                  |
| 9  | Bảng con                    | Cái         | 1        |                                  |
| 10 | Kẹp sản phẩm cho trẻ        | Cái         | 2        |                                  |
| 11 | Túi cúc đựng sản phẩm       | Cái         | 1        |                                  |
| 12 | Thẻ chữ cái dành cho trẻ    | Bộ          | 1        |                                  |
| 13 | Bộ toán cho trẻ             | Bộ          | 1        |                                  |
| 14 | Băng dính xốp 2 mặt         | Cuộn        | 1        |                                  |
| 15 | Giấy thủ công loại đẹp      | Túi         | 1        |                                  |
| 16 | Nguyên liệu đan tết cho trẻ | Kg          | 0.2      | 5 trẻ/1 kg                       |
| 17 | Lô tô theo chủ đề           | Bộ          | 1        | chơi, học                        |
| 18 | Giấy A4                     | Gram        | 0.3      | 15 tờ x 1 chủ đề x 10 chủ đề     |
| 19 | Bìa các màu A4              | Gram        | 0.3      | 3 tờ x 1 chủ đề x 10 chủ đề      |
| 20 | Vải dạ màu                  | Tám         | 0.5      | làm tranh, bài tập mở            |
| 21 | Đề can màu                  | Mét         | 0.5      | làm tranh, bài tập mở            |
| 22 | Xốp ni nhũ khổ 40x50 cm     | Tám         | 0.5      | làm thiệp, đồ chơi: 2 trẻ/1 tám  |

| TT | Tên học liệu                   | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng | Ghi chú                         |
|----|--------------------------------|----------------|-------------|---------------------------------|
| 23 | Dây kim tuyến các màu dài 20cm | Dây            | 3           | làm thiệp, đồ chơi              |
| 24 | Hoa nhựa                       | Túi            | 0.5         | làm thiệp, đồ chơi: 2 trẻ/1 túi |

### **5. Danh mục học liệu cho trẻ làm quen với tiếng Anh**

*(Áp dụng với trẻ gia đình có đăng ký học tiếng Anh tự nguyện)*

Cuốn: Làm quen tiếng Anh Enspriase Start:

- Sách học sinh Enspriase Start 1A, 1B, 2A, 2B, 3A, 3B (06 cuốn)
- Sách giáo viên Enspriase Start 1A, 1B, 2A, 2B, 3A, 3B (06 cuốn)
- Bộ truyện tranh khổ toa: 13 truyện; 256 flash card

Tác giả Nguyễn Ngọc Hùng, Đỗ Thị Hồng Anh, Phạm Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Thanh.

Nhà xuất bản Thế giới

Bộ sách đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt theo Quyết định số 2272/QĐ-BGDĐT ngày 17/8/2022. QĐ phê duyệt danh mục Tài liệu làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo sử dụng trong cơ sở giáo dục mầm non.

